TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Cao Sơn

Bà Võ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2022/TLST-KDTM ngày 22/4/2022 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 10/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu H; Địa chỉ: Số 153, đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H, Giám đốc Công ty; Người đại diện theo quyền: Bà Phan Thị P, kế toán trưởng (văn bản ủy quyền ngày 29/8/2022) – *Có mặt*

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng thương mại T; Địa chỉ: Số 14, ngách 2, ngõ 127, đường X, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị B, Giám đốc Công ty – *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu H (sau đây viết tắt là Công ty H) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/4/2021, Công ty H và Công ty TNHH xây dựng thương mại T (sau đây viết tắt là Công ty T) đã ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 06BT/2021/HĐKT/22-12 HT-TL với nội dung: Công ty T bán cho Công ty H Hà Tĩnh bê tông trộn sẵn khối lượng 48m^3, cung cấp thi công công trình tại xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh với số tiền

43.200.000 đồng. Ngày 26/4/2021, Công ty H đã chuyển cho Công ty T số tiền 43.200.000 đồng và Công ty T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H. Hai bên thống nhất ngày 28/4/2021 Công ty T phải cấp đủ bê tông. Đến tối ngày 27/4/2021 do trời mưa to nên Công ty H gọi điện báo tạm ngừng cấp bê tông chuyển sang ngày 30/4/2021. Đến ngày 30/4/2021 Công ty T không cung cấp bê tông, sau nhiều lần gọi điện thoại thì nhân viên Công ty T báo xe hiện đang bị công an giữ lại nên chưa có xe và hẹn sang buổi chiều, đến buổi chiều gọi điện thoại thì nhân viên Công ty T trả lời xe chưa chạy được, nhờ Công ty H mua bê tông của nhà cung cấp khác, Công ty T sẽ chuyển tiền lại cho Công ty H. Vì tiến độ công trình, Công ty H buộc phải đồng ý. Tuy nhiên, từ đó đến nay Công ty T vẫn chưa trả lại tiền. Vì vậy, Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty H số tiền 43.200.000đ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2022, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T là bà Ngô Thị B trình bày:

Bà Ngô Thị B là giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty T. Ngày 25/4/2021, giữa Công ty T và Công ty H có ký kết Hợp đồng kinh tế số 06BT/2021/HĐKT/22-12 HT-TL với nội dung mua bán bê tông. Công ty H đã chuyển khoản cho Công ty T số tiền 43.200.000đ để mua bê tông, đồng thời thông báo về thời gian đổ bê tông là 04 giờ sáng ngày 27 hoặc 28/4/2021 tại xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Công ty T đã chuẩn bị bê tông đầy đủ để giao hàng. Tuy nhiên, gần sát giờ giao hàng thì nhân viên kỹ thuật của Công ty H gọi điện thoại cho nhân viên kế toán Công ty T báo hoãn việc giao hàng do trời mưa. Sau đó, Công ty T đã sử dụng số bê tông trên giao cho khách hàng khác. Khi Công ty H đòi lại số tiền đã chuyển trên thì Công ty T đã trả cho nhân viên kỹ thuật của Công ty H số tiền 14.000.000đ và kế toán Công ty T đã liên hệ với kế toán Công ty H yêu cầu trả lại hóa đơn đã xuất để thanh toán số tiền còn lại nhưng Công ty H không trả hóa đơn nên Công ty T chưa trả cho Công ty H số tiền còn lại. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty T chấp nhận thanh toán cho Công ty H số tiền còn lại là 29.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 116, 117, 430, 356, 358 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Luật thương mại; khoản 1, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T phải trả lại cho nguyên đơn Công ty H số tiền 43.200.000 đồng. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán tiền mua bán bê tông theo Hợp đồng kinh tế đã ký kết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp

đồng mua bán hàng hóa", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét Hợp đồng kinh tế số 06BT/2021/HĐKT/22-12 HT-TL ngày 25/4/2022 giữa Công ty H và Công ty T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 430 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Luật thương mại nên đây là hợp đồng hợp pháp. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Công ty T phải giao bê tông trộn sẵn với khối lượng 48m^3 cho Công ty H tại cầu Tòa Sen thuộc dự án nâng cấp tuyến đường 553 huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Hai bên đều thừa nhận quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 26/4/2021 Công ty H đã chuyển cho Công ty T số tiền 43.200.000 đồng, Công ty T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty H nhưng Công ty T chưa giao bê tông cho Công ty H như đã thỏa thuận trong hợp đồng, theo quy định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty T trình bày sau đó đã trả cho nhân viên kỹ thuật Công ty H số tiền 14.000.000 đồng và chỉ chấp nhận trả số tiền còn lại là 29.200.000 đồng. Tuy nhiên, nhân viên kỹ thuật Công ty H trình bày không nhận bất cứ khoản nào của Công ty T. Tòa án đã có văn bản yêu cầu Công ty T cung cấp chứng cứ về việc trả tiền nhưng Công ty T không cung cấp được, đồng thời người đại diện theo pháp luật của Công ty T yêu cầu Tòa án tiến hành đối chất giữa 2 bên nhưng Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần để đối chất nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, không có căn cứ xác định Công ty T đã trả só tiền 14.000.000 đồng. Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T trả lại số tiền 43.200.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 356, 358 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 43.200.000 đồng được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và điểm 1.4 khoản 1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc Công ty T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 117, 430, 356, 358 Bộ luật Dân sự; Điều 24 Luật thương mại; khoản 1, 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.4 khoản 1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH xây dựng thương mại T.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH xây dựng thương mại T phải trả lại cho nguyên đơn Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu H số tiền 43.200.000 đồng (Bốn mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty TNHH xây dựng thương mại T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu H số tiền tạm ứng án phí 1.080.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001089 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền